

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Phúc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh và bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 704/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Tú M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 61, Hưng Đạo Vương, khu phố 4, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Xuân Kh, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 234/16, khu phố 2, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu và lời khai trong hồ sơ, thì thấy nguyên đơn Bà Lưu Tú M trình bày: Bà và Ông Lê Xuân Kh tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ vào ngày 12/12/1997. Vợ chồng không có con chung. Quá trình chung sống bà và Ông Kh thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tôn trọng nhau, nguyên nhân từ việc không có con. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được nên bà và Ông Kh đã không sống chung từ năm 2009, nay bà và Ông Kh mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc gì cho nhau nữa, nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông Lê Xuân Kh. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Bị đơn Ông Lê Xuân Kh đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết

vụ án, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho Bà Lưu Tú M được ly hôn với Ông Lê Xuân Kh; Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu, Nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của Bà M là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với Ông Lê Xuân Kh, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà 234/16, khu phố 2, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ, quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa, Ông Lê Xuân Kh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Bà Lưu Tú M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng. Căn cứ theo quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu của Bà M:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà M và Ông Kh tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ vào ngày 12/12/1997 theo đúng quy định tại các điều 5, 6, 8, 9 Luật hôn nhân & gia đình năm 1986, không vi phạm các điều cấm kết hôn quy định tại điều 7 Luật hôn nhân & gia đình năm 1986, nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét mâu thuẫn giữa Bà M và Ông Kh thì thấy: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần động viên Bà M suy nghĩ về đoàn tụ vợ chồng nhưng Bà M không đồng ý đoàn tụ, kiên quyết xin ly hôn với Ông Kh, cho thấy giữa Bà M và Ông Kh đã phát sinh mâu thuẫn. Ông Kh đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thu lý vụ án và các văn bản tố tụng khác để đến tòa án làm việc, nhưng Ông Kh không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đến tòa án để làm việc. Chứng tỏ Ông Kh không có thiện chí trong việc hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nữa. từ đó, khẳng định mâu thuẫn giữa Bà M và Ông Kh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân & gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu của Bà M, cho Bà M được ly hôn với Ông Lê Xuân Kh.

[2.2] Về con chung: Theo trình bày của Bà M thì bà và Ông Kh không có con chung, Ông Kh không có ý kiến gì, nên HĐXX không phải đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M và Ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Bà M trình bày không có, Ông Kh. Không có ý kiến gì Do đó HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà M phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[3] Ý kiến nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 6, 7, 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 51, 56, 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014; các điều 5, 28, 91, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Lưu Tú M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Tú M được ly hôn với Ông Lê Xuân Kh.

Về con chung: Bà Lưu Tú M trình bày không có con chung, Ông Lê Xuân Kh không có ý kiến gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M và Ông Kh không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà M và Ông Kh trình bày không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lưu Tú M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 0008452 ngày 20/02/2020 qua nộp án phí.

Báo cho Bà M và Ông Kh biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND P. Trung Dũng, Tp. Biên Hòa (GCNĐKKH số 155, quyền số 08/1997);
- Chi cục T.H.A. dân sự thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Phúc